TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 07/5/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Mai Đăng Ninh.

Bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Không.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST–DS ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (SeABank).

Địa chỉ: Số 25 Trần Hưng Đạo, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Phó Tổng Giám đốc. (*Giấy ủy quyền số 359/2018/UQ-SeABank, ngày 20/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ)*

- Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn L – Chuyên viên xử lý nợ miền Trung, Ngân hàng TMCP Đ (có mặt).

Địa chỉ: Số 19 Phan Chu Trinh, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa. (*Giấy ủy quyền số 12995/2019/UQ-SeABank, ngày 28/8/2019 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ).*

* *Bị đơn*: - Ông Nguyễn Quốc C – sinh năm 1984.

- Bà Phạm Thị G – sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, thị trấn N (thôn 7, xã M cũ), huyện S, tỉnh Thanh Hóa. (Ngày 19/02/2020, ông C, bà G có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số CN.17.10.11, ngày 20/10/2017 với ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G vay số tiền 630.000.000đ (*Sáu trăm, ba mươi triệu đồng*), thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 20/10/2024. Lãi xuất ưu đãi 12 tháng đầu tiên là 8.5%/năm, lãi xuất cho thời gian vay còn lại (Lãi xuất cho vay = Lãi xuất VNĐ trong kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + Biên độ 3.7%, lãi xuất được điều chỉnh theo thông báo của SeABank qua từng thời kỳ; lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn hoặc bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả. Phương thức trả nợ (trả góp vào ngày 20 hàng tháng). Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô con TOYOTA loại INOVA, số khung RL4JW8EM4H3231928, số máy 1TRA337119, BKS 36A-28077 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040509 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Quốc C. Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số công chứng 4946, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2017 và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Sau khi vay, ông C, bà G không thực hiện đúng như cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 19/4/2019 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng ông C, bà G không thực hiện, cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông C, bà G phải thanh toán số tiền nợ gốc (trong hạn 442.500.000đ, quá hạn 46.016.110đ); tiền nợ lãi (trong hạn 2.218.562đ, quá hạn 46.524.502đ) tính đến ngày 05/12/2019. Tổng cộng: 537.259.174đ (*Năm trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi tư đồng).*

Ngoài ra, buộc ông C, bà G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo lãi xuất trong hạn, lãi xuất quá hạn, phí trả nợ trước hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 06/12/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông C, bà G không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị kê biên, phát mại

tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông C, bà G để thi hành án, thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (SeABank).

* Bị đơn ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G tại các bản tự khai ngày 13/02/2020 đều trình bày: Ngày 20 tháng 10 năm 2017 ông bà có ký Hợp đồng tín dụng từng lần số CN.17.10.11 với Ngân hàng TMCP Đ vay số tiền 630.000.000đ (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*) và hiện đang còn nợ như trong đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thực tế. Do điều kiện làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên gia đình chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Nay ông C, bà G mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện cho thực hiện nghĩa vụ sau thời gian chậm trả, xin được trả góp và tiếp tục khoản vay để duy trì và phát triển kinh tế gia đình.

* Qúa trình giải quyết tại Tòa án: Ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền như trong đơn khởi kiện. Tòa án ra Thông báo hòa giải nhưng ông C, bà G có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải. Do vậy, các bên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hôi đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Quốc C, bà Phạm Thị G là tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với "*Hợp đồng vay tiền mặt*" ngày 20/10/2017, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự đã làm bản tự khai nêu quan điểm và yêu cầu của mình. Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên đương sự yêu cầu, nhưng ông C, bà G có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên xét xử, nên các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, ngày 21/4/2020, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 20/10/2017 ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G ký Hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vay số tiền 630.000.000đ (*Sáu trăm ba mươi mươi triệu đồng*) có thỏa thuận về phương thức trả nợ, thời gian trả hết nợ (ngày 20/10/2024) và lãi xuất. Hợp đồng có nội dung rõ ràng, người vay đã ký

nhận, thuộc phạm vi mà pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Như vậy là giao dịch hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ: Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G thanh toán tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử (07/5/2020) là 580.677.402đ (*Năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm lẽ hai đồng*) là có căn cứ, đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G: Do điều kiện làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên gia đình chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Nay ông C, bà G mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện cho thực hiện nghĩa vụ sau thời gian chậm trả, xin được trả góp và tiếp tục khoản vay để duy trì, phát triển kinh tế gia đình. Đề nghị của ông C, bà G là không phù hợp với thực tế, không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký, không được Ngân hàng chấp nhận và không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 là: 580.677.402đ (*Năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm lẽ hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc trong hạn 405.000.000đ; nợ gốc quá hạn 88.283.944đ; nợ lãi trong hạn 66.275.197đ; nợ lãi quá hạn 13.018.261đ và phí trả nợ trước hạn đối với phần gốc trong hạn 8.100.000đ. Cho nên, buộc ông C, bà G phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng.

[6] Về Hợp đồng thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ: Ngày 21/10/2017 ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G tự nguyện ký kết với Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) Hợp đồng thế chấp xe ô tô con TOYOTA, loại INOVA, số khung RL4JW8EM4H3231928, số máy 1TRA337119, BKS 36A-28077 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040509 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Quốc C. Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số công chứng 4946, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2017 và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nên Hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Trong trường hợp ông C, bà G không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp, thì tài sản thế chấp trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G là bên vi phạm hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 292; 351; 463; 466 của Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (SeABank). Buộc ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) tính đến ngày 07 tháng 5 năm 2020 với tổng số tiền là: 580.677.402đ (*Năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm lẽ hai đồng*). Trong đó, nợ gốc trong hạn 405.000.000đ; nợ gốc quá hạn 88.283.944đ; nợ lãi trong hạn 66.275.197đ; nợ lãi quá hạn 13.018.261đ và phí trả nợ trước hạn đối với phần gốc trong hạn 8.100.000đ (có bảng kê kèm theo).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C, bà G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi xuất trong hạn, lãi xuất quá hạn và phí trả nợ trước hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số CN.17.10.11 ngày 20/10/2017 cho đến khi ông C, bà G thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông C, bà G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Xe ô tô con TOYOTA, loại INOVA, số khung RL4JW8EM4H3231928, số máy 1TRA337119, BKS 36A-28077 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040509 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Nguyễn Quốc C.

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ, thì ông C, bà G có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc C và bà Phạm Thị G phải nộp 27.227.000đ (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) số tiền tạm ứng án phí 12.745.000đ (*Mười hai triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0010635 ngày 30/12/2019.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng TMCP Đ (SeABank) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (ông C, bà G) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Hùng